

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
THANH HƯNG****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 176

Lai Châu, ngày 15 tháng 01 năm 2025

V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án “Thủy điện Nậm Pục”

| | |
|------------------------------|----------------|
| VĂN PHÒNG UBND TỈNH LAI CHÂU | |
| CÔNG VĂN ĐẾN | Số: 108F |
| | Ngày: 15/01/25 |
| | Chuyên: |
| | Ngày HT: |

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng đã xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Thủy điện Nậm Pục”.

Căn cứ khoản 8, Điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng kính gửi Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Thủy điện Nậm Pục” và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu về các nội dung: vị trí thực hiện dự án đầu tư; tác động môi trường của dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của các tổ chức, cá nhân thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu về các nội dung nêu trên xin gửi về theo địa chỉ:

- Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng
- Địa chỉ: số nhà 133, đường Lê Duẩn, Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, Việt Nam.
- Người liên hệ: Lê Thị Thúy Vân Điện thoại: 098 6255 626

Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu xem xét hồ sơ, đăng tải và gửi tổng hợp ý kiến tham vấn để chủ Dự án hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trung tâm tin học và công báo;
- Lưu: VT..



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn P. M.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 15 tháng 01 năm 2025

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu

Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng

Giới thiệu ông (bà): Bà Nguyễn Thị Liễu

Chức vụ: Nhân viên

Được cử đến: Quý Cơ quan

Về việc: Thực hiện các công việc liên quan đến Hồ sơ đánh giá tác động môi trường Dự án “Thủy điện Nậm Pộc”

Đề nghị Quý cơ quan tạo điều kiện để ông (bà) Nguyễn Thị Liễu hoàn thành nhiệm vụ.

Giấy này có giá trị đến hết ngày 17/01/2025

P. GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Quốc Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THANH HƯNG

---o0o---

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẠM PỤC
CÔNG SUẤT LẬP MÁY 6MW**

ĐỊA ĐIỂM: XÃ BUM TỎ VÀ XÃ NẠM KHAO, HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

**CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
THANH HƯNG**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quốc Huy

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THẾ KỶ**



GIÁM ĐỐC
Lê Hữu Hải

LAI CHÂU, THÁNG 01 NĂM 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 6200091703

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 03 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 22 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THANH HUNG**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 133, đường Lê Duẩn, Tổ 5, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên: TRẦN VĂN HOA**

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/06/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036068008749

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 10, Nguyễn Quang Bật, Phường Thanh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10, Nguyễn Quang Bật, Phường Thanh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1397/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 22 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI
CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM PỤC
(Cấp lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2021)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2590/QĐ-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Mường Tè;

Căn cứ Thông báo số 79-TB/TU ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Văn phòng Tỉnh ủy về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 15 tháng 10 năm 2021;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng và ý kiến của các cơ quan liên quan;

Xét Tờ trình thẩm định số 1450/TTr-SKHĐT ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận Nhà đầu tư với nội dung như sau:



1. Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 6200091703, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 20 tháng 3 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19 tháng 10 năm 2020.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 133, đường Lê Duẩn, tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Điện thoại: 0917961525.

- Người đại diện: Ông Lã Thanh Sơn:

+ Chức danh: Giám đốc

+ Ngày sinh: 08/8/1990 + Dân tộc: Kinh + Quốc tịch: Việt Nam.

+ Chứng minh nhân dân: Số 060876248, do Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 25 tháng 02 năm 2015.

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

+ Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

2. Tên dự án đầu tư: **THỦY ĐIỆN NẬM PỤC.**

3. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng mới thủy điện Nậm Pục nhằm sản xuất điện, phát điện hòa vào lưới điện quốc gia phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; tìm kiếm lợi nhuận cho nhà đầu tư, tạo việc làm cho người lao động; góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

| STT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----|------------------------------|-------------------------------------|---|
| 1 | Sản xuất điện | 3511 | |
| 2 | Truyền tải và phân phối điện | 3512 | |

4. Quy mô dự án

- Thủy điện Nậm Pục thuộc loại công trình công nghiệp cấp II, nhà máy có 02 tổ máy với tổng công suất lắp máy là 6 MW, điện lượng trung bình năm khoảng 19,2 triệu kWh.

- Các hạng mục công trình chính: Tuyến đập chính (đập dâng kết hợp đập tràn), tuyến đập phụ (kiểu chiron), tuyến năng lượng, nhà máy, trạm biến áp và tuyến đường dây truyền tải,...

5. Tổng vốn đăng ký đầu tư và nguồn vốn
- Tổng vốn đăng ký đầu tư: **221.753 triệu đồng**. Trong đó:
 - + Chi phí xây dựng: 130.478 triệu đồng.
 - + Chi phí thiết bị: 45.504 triệu đồng.
 - + Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 3.000 triệu đồng.
 - + Chi phí quản lý, tư vấn: 17.300 triệu đồng.
 - + Chi phí khác, lãi vay: 15.271 triệu đồng.
 - + Chi phí dự phòng: 10.200 triệu đồng.
 - Nguồn vốn đăng ký đầu tư:
 - + Vốn góp để thực hiện dự án: 30%.
 - + Vốn vay các tổ chức tín dụng: 70%.
6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm
7. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bum Tở, huyện Mường Tè.
8. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 10,12 ha (bao gồm mặt bằng công trình, bãi thải, lòng hồ, đường thi công – vận hành, các hạng mục phụ trợ,...).
9. Tiến độ thực hiện dự án
- a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn
- Vốn góp:

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn | Tiến độ góp vốn |
|-----|--------------------------------------|------------|-----|-----------|---------------------|-------------------------------|
| | | VND (tr/đ) | USD | | | |
| 1 | Công ty cổ phần thủy điện Thanh Hưng | 66.526 | | 30% | Tiền mặt | Theo tiến độ triển khai dự án |

- Vốn huy động: Vốn vay của các tổ chức tín dụng 70% tổng vốn đăng ký đầu tư của dự án. Theo tiến độ triển khai dự án và hợp đồng tín dụng.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản: Khởi công quý III/2022 - Hoàn thành quý III/2024. Cụ thể:

- Từ quý IV/2021 đến quý III/2022: Khảo sát thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, hoàn thiện hồ sơ pháp lý dự án, cắm chi giới chiếm đất, đền bù giải phóng mặt bằng,...xây dựng các hạng mục phụ trợ, lán trại,...

- Từ quý III/2022 đến quý III/2024: Khởi công thi công các hạng mục công trình chính và thi công hoàn thiện phần xây dựng, lắp đặt thiết bị.

- Quý III/2024: Phát điện, hoàn thành dự án đưa nhà máy vào khai thác.

10. Các ưu đãi đầu tư

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất: Áp dụng theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016; số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Áp dụng theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

- Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư dự án, Nhà đầu tư phải hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của cơ quan thẩm định, tiến hành khảo sát chi tiết lập dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường, lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, thực hiện công khai phương án sử dụng nước mặt theo quy định và cam kết bồi thường cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng; hoàn thiện các thủ tục đất đai theo quy định của pháp luật đất đai, thủ tục xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; chấp hành nghĩa vụ tài chính đầy đủ, đúng quy định với ngân sách nhà nước; chỉ được khởi công xây dựng công trình khi có đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện dự án phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, đảm bảo an toàn dân cư khu vực hạ lưu, không làm ảnh hưởng đến các công trình ở thượng lưu, hạ lưu và hạ tầng trong khu vực đầu tư của dự án, không ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, nước sản xuất nông nghiệp, các công trình cấp nước sinh hoạt và công trình thủy lợi, có trách nhiệm đầu tư tuyến kênh dẫn phía trước đập phụ thủy điện để dẫn nước tới đầu nối vào tuyến kênh thủy lợi Phìn Khò và sửa chữa các đoạn kênh thủy lợi có sẵn bị hư hỏng (*quy mô đầu tư đoạn kênh mới phải phù hợp với quy mô thiết kế công trình thủy lợi Phìn Khò, đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sản xuất cho diện tích ruộng*

của người dân); ưu tiên sử dụng lao động địa phương trong quá trình thi công, vận hành công trình, đồng hành cùng địa phương trong triển khai các nội dung hỗ trợ an sinh – xã hội cho người dân trong khu vực; chấp hành quy định của pháp luật về khoáng sản. Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, Nhà đầu tư phải có giải pháp thiết kế, thi công các hạng mục công trình đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, an toàn công trình, không làm ảnh hưởng đến dòng chảy, môi trường, an toàn dân cư phía hạ lưu nhất là vào mùa mưa lũ, không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên và đảm bảo nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, không chòng chéo ảnh hưởng đến các dự án thủy điện khác và có phương án vận tải phù hợp để không ảnh hưởng đến các công trình giao thông, đồng thời có kế hoạch khắc phục sửa chữa hoàn trả lại hiện trạng hạ tầng giao thông bị hư hỏng (nếu có).

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quy định của pháp luật có liên quan và nội dung cam kết thực hiện dự án của Nhà đầu tư. Trường hợp có sự sai khác, thay đổi về nội dung đã quy định tại Quyết định này thì Nhà đầu tư phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh trước khi thực hiện các bước tiếp theo.

- Bảo đảm thực hiện dự án: Nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh của ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư năm 2020, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo trước khi khởi công; trước khi khai thác, vận hành; tình hình thực hiện dự án trong giai đoạn đầu tư và khai thác vận hành (*định kỳ theo quý, năm*) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020, biểu mẫu báo cáo tại Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*); cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát đánh giá đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, giúp Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai, khoáng sản, môi trường, cấp phép khai thác sử dụng nước mặt,... theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; phối hợp với Sở Công Thương thẩm định,

đánh giá kỹ các hạng mục công trình đảm bảo an toàn kỹ thuật, không làm ảnh hưởng đến dòng chảy, môi trường và an toàn phía hạ lưu công trình và không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên; tăng cường công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn, giúp Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đầu tư thủy điện đảm bảo theo quy định và phù hợp với Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; trong quá trình thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật các hạng mục công trình phải phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan thẩm định chặt chẽ theo quy định bảo đảm yêu cầu an toàn kỹ thuật và không ảnh hưởng đến dòng chảy, môi trường, an toàn phía hạ lưu công trình, các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên; tăng cường công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè chịu trách nhiệm về số liệu, giám sát chặt chẽ diện tích rừng theo quy định; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát lại diện tích, hiện trạng rừng và phương án sử dụng nguồn nước sản xuất và nước sinh hoạt theo quy định tại bước giao đất đảm bảo không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên và các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi tiến độ thực hiện dự án đã phê duyệt tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện dự án theo quy định; thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè có trách nhiệm hướng dẫn, giúp Nhà đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; giám sát, quản lý đất đai, môi trường, rừng, sử dụng tài nguyên nước, tham vấn cộng đồng theo quy định của pháp luật; phối hợp với các đơn vị có liên quan thống nhất phương án sử dụng nguồn nước sản xuất và nước sinh hoạt theo quy định tại các bước tiếp theo; thống nhất, giám sát Nhà đầu tư trong việc thiết kế, thi công đoạn kênh thủy lợi mới, đảm bảo phù hợp với quy mô thiết kế công trình thủy lợi Phìn Khò, cung cấp đầy đủ nước sản xuất cho diện tích ruộng của người dân; thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân cấp.

- Các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, giúp Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến lĩnh vực đầu tư thủy điện theo quy định.

Điều 3. Ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

Dự án bị ngừng hoạt động theo quy định tại Điều 47 hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định, Văn bản hướng dẫn Luật Đầu tư. Nhà đầu tư vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan; dự án không đảm bảo các điều kiện theo quy định trong đầu tư, vận hành. Nhà đầu tư tự chịu toàn bộ chi phí khi dự án bị chấm dứt hoạt động.

Điều 4. Thời hạn hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: 50 (năm mươi năm), kể từ ngày Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư có hiệu lực.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè; Nhà đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng (Nhà đầu tư) và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Công Thương (để B/c);
- TT. Tỉnh ủy (để B/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4342 /UBND-KTN
V/v đề nghị đánh giá sự phù hợp
quy hoạch đối với dự án thủy
điện Nậm Pục thuộc xã Bum Tở
và xã Nậm Khao, huyện Mường
Tè, tỉnh Lai Châu

Lai Châu, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1880/TTr-SCT ngày 25 tháng 10 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu kính đề nghị Bộ Công Thương cho ý kiến đánh giá về sự phù hợp quy hoạch đối với dự án thủy điện Nậm Pục thuộc xã Bum Tở và xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

Dự án thủy điện Nậm Pục thuộc xã Bum Tở và xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung vào quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu tại Quyết định số 2590/QĐ-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2020; dự án đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023; dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021, chủ đầu tư là Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng.

Trong quá trình đầu tư, để nâng cao hiệu quả đầu tư dự án, Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng đề xuất điều chỉnh sơ đồ khai thác của dự án thủy điện Nậm Pục nhưng không làm thay đổi công suất lắp máy của dự án đã được

phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, cụ thể như sau:

I. Thông tin đề xuất điều chỉnh

1. Thông tin dự án đã được phê duyệt trong Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu

1.1. Tên dự án: thủy điện Nậm Pục.

1.2. Vị trí.

- Tọa độ xây dựng công trình:

+ Tọa độ đập chính: 22°25'09,9'' vĩ độ Bắc - 102°44'48,5'' kinh độ Đông;

+ Tọa độ đập phụ: 22°25'48,4'' vĩ độ Bắc - 102°44'25,7'' kinh độ Đông;

+ Tọa độ nhà máy: 22°24'18,5'' vĩ độ Bắc - 102°43'37,7'' kinh độ Đông.

- Tên sông/suối: Suối Nậm Sả (*nhánh cấp I của suối Nậm Pục - nhánh cấp II của sông Đà*).

- Địa điểm: xã Bum Tở, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

1.3. Nhiệm vụ: Phát điện lên lưới điện Quốc gia.

1.4. Sơ đồ khai thác: Tuyến đập phụ (kiểu chiron) nằm trên suối Nậm Pục gom nước về tuyến đập chính bằng đường hầm áp lực, tuyến đập chính là đập dâng kết hợp đập tràn nằm trên suối Nậm Sả, tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ trái suối Nậm Sả, nhà máy thủy điện kiểu hở nằm bên bờ trái sông Đà xả nước ra sông Đà.

1.5. Các thông số chính

- Diện tích lưu vực đến đập chính: 10,03 km²;

- Diện tích lưu vực đến đập phụ: 17,57 km²;

- Mức nước dâng bình thường tại đập chính: 480 m;

- Mức nước dâng bình thường tại đập phụ: 485 m;

- Mức nước hạ lưu nhỏ nhất: 295 m;

- Công suất lắp máy: 6 MW;

- Điện lượng bình quân năm: 19,2 triệu kWh.

2. Thông tin dự án đề xuất điều chỉnh

2.1. Tên dự án: thủy điện Nậm Pục.

2.2. Vị trí

- Tọa độ xây dựng công trình:

+ Tọa độ đập Nậm Sả: 22°25'5,49'' vĩ độ Bắc - 102°45'5,68'' kinh độ Đông (*dịch chuyển 508 m về phía thượng lưu*);

+ Tọa độ đập Nậm Pục: 22°25'45,65'' vĩ độ Bắc - 102°44'24,41'' kinh độ Đông (*dịch chuyển 92 m về phía hạ lưu*);

+ Tọa độ đập Chiron: 22°25'46,55'' vĩ độ Bắc - 102°43'43,47'' kinh độ Đông (*bổ sung mới*);

+ Tọa độ nhà máy: 22°24'56,11'' vĩ độ Bắc - 102°43'4,45'' kinh độ Đông (*dịch chuyển 1.500 m từ bờ trái sông Đà về bờ phải suối Nậm Pục*).

- Tên sông/suối: Suối Nậm Pục, suối Nậm Sả và suối Tả Phìn (*suối Nậm Sả và suối Tả Phìn là nhánh cấp I của suối Nậm Pục, suối Nậm Pục nhánh cấp I của sông Đà*).

- Địa điểm: xã Bum Tờ, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (*bổ sung xã Nậm Khao*).

2.3. Nhiệm vụ: Phát điện lên lưới điện Quốc gia (*không thay đổi*).

2.4. Sơ đồ khai thác: Tuyến đập trên suối Nậm Sả kiểu đập dâng kết hợp đập tràn; tuyến đập trên suối Nậm Pục kiểu đập dâng kết hợp đập tràn; tuyến đập trên suối Tả Phìn kiểu chiron; tuyến năng lượng dẫn nước từ hồ chứa trên suối Nậm Sả về hồ chứa trên suối Nậm Pục bằng kênh dẫn kết hợp ống dẫn và hầm nước; tuyến năng lượng dẫn nước từ đập chiron trên suối Tả Phìn về bể áp lực bằng kênh dẫn kết hợp ống dẫn và hầm nước; tuyến năng lượng dẫn nước từ bể áp lực về nhà máy bằng ống và hầm dẫn nước; nhà máy thủy điện kiểu hồ nằm bên bờ phải suối Nậm Pục xả nước trở lại suối Nậm Pục.

2.5. Các thông số chính

- Diện tích lưu vực đến đập Nậm Sả: 10,03 km² (*không thay đổi*);

- Diện tích lưu vực đến đập Nậm Pục: 17,57 km² (*không thay đổi*);

- Diện tích lưu vực đến đập Tả Phìn: 7,39 km² (*bổ sung mới*);

- Mức nước dâng bình thường tại đập Nậm Sả: 486 m (*tăng 6 m*);

- Mức nước dâng bình thường tại đập Nậm Pục: 485 m (*không thay đổi*);

- Mức nước dâng bình thường tại đập Tả Phìn: 485 m (*bổ sung mới*);

- Mức nước hạ lưu nhỏ nhất: 295 m (*không thay đổi*);

- Công suất lắp máy: 6 MW (*không thay đổi*);
- Điện lượng bình quân năm: 27,85 triệu kWh (*tăng 8,65 triệu kWh*).

II. Các ảnh hưởng của phương án điều chỉnh dự án tới môi trường, xã hội

1. Về đất đai

Tổng diện tích dự kiến chiếm đất của dự án thủy điện Nậm Pục là 12,83 ha đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân (*không bao gồm diện tích ngầm của hạng mục hầm dẫn nước*), trong đó: 0,26 ha đất chuyên trồng lúa; 0,33 ha đất trồng lúa còn lại; 0,93 ha đất trồng cây hằng năm khác; 11,31 ha đất rừng phòng hộ.

2. Về hiện trạng rừng

Tại thời điểm kiểm tra thực địa ngày 22 tháng 8 năm 2024 xác định trong phạm vi sử dụng đất dự kiến của dự án thủy điện Nậm Pục là 12,83 ha, gồm:

- Diện tích có rừng trồng là 0,0794 ha (*rừng trồng cây Quế năm 2018*).
- Diện tích chưa có rừng là 12,7506 ha, trong đó diện tích đã trồng cây Quế và tre Luồng nhưng chưa thành rừng là 3,3264 ha; diện tích đất trồng có cây tái sinh rải rác chưa đủ tiêu chí thành rừng và đất khác là 9,4242 ha.
- Không có diện tích rừng tự nhiên trong phạm vi sử dụng đất dự kiến của dự án, không có diện tích được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

3. Về nhu cầu sử dụng nước phía hạ du

Phương án điều chỉnh dự án thủy điện Nậm Pục có ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng nước sản xuất của:

- Công trình thủy lợi Phìn Khò phía hạ du đập đầu mối trên suối Nậm Pục, phục vụ nước tưới cho 12 ha đất trồng lúa.
- 01 nương đất trên suối Nậm Sả do người dân tự đắp, phục vụ nước tưới cho khoảng 1,22 ha đất trồng lúa.
- 01 nương đất trên suối Tả Phìn do người dân tự đắp, phục vụ nước tưới cho khoảng 1,22 ha đất trồng lúa.

Hồ sơ điều chỉnh dự án đã có phương án xả nước về phía hạ du đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sản xuất, sinh hoạt của nhân dân; chủ đầu tư đã phối hợp với chính quyền địa phương tham vấn ý kiến cộng đồng dân cư về phương án điều chỉnh dự án, trong đó có nội dung về ảnh hưởng nguồn nước, phương án xả nước cho thủy lợi và đã nhận được ý kiến đồng thuận của cộng đồng dân cư khu vực dự án.

4. Về dân cư: Trong phạm vi biên sử dụng đất của dự án không có hộ dân phải di dời, tái định cư.

5. Về công trình hạ tầng: Trong phạm vi điều chỉnh dự án không có công trình hạ tầng; khu vực khoanh vùng bảo vệ của các di tích, lịch sử đã được xếp hạng và các điểm thuộc Danh mục kiểm kê di tích bị ảnh hưởng.

III. Kiến nghị với Bộ Công Thương

Phương án điều chỉnh dự án thủy điện Nậm Pục không làm thay đổi các thông số được phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh Lai Châu và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, không làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng khác, di tích, lịch sử, điểm thuộc Danh mục kiểm kê di tích; không phải di dời dân cư,...

Thực hiện quy định tại khoản 5 Mục III Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị Bộ Công Thương xem xét, cho ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch đối với dự án thủy điện Nậm Pục tại xã Bum Tở và xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

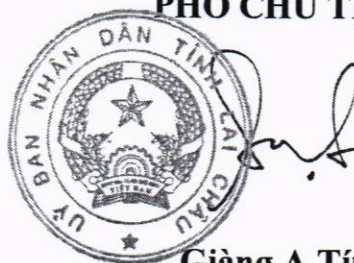
(Có hồ sơ điều chỉnh dự án gửi kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, cho ý kiến để địa phương triển khai các bước tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo;
- Sở Công Thương;
- VP UBND tỉnh: V2;
- Lưu: VT, Kt1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng A Tính

Số: 9336/BCT-ĐL

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

V/v có ý kiến đối với đề xuất điều chỉnh một số nội dung liên quan đến DATĐ Nậm Pộc của UBND tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu

Bộ Công Thương nhận được Văn bản số 4342/UBND-KTN ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc góp ý kiến đối với đề xuất điều chỉnh dự án thủy điện Nậm Pộc (Dự án), kèm theo Hồ sơ đề xuất điều chỉnh Dự án do Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư năng lượng Greco (Đơn vị tư vấn) lập năm 2024. Sau khi xem xét, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Ngày 01 tháng 4 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 262/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII). Tại Bảng 10 thuộc Quyết định nêu trên, dự án thủy điện Nậm Pộc có quy mô công suất 06 MW, dự kiến đưa vào vận hành năm 2024.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1585/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo Hồ sơ đề xuất, Dự án được đề xuất đấu nối với các cấp điện áp 35 kV thuộc Phụ lục VI (Phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050) của Quy hoạch tỉnh. Do đó, UBND tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá sự phù hợp phương án đấu nối của Dự án với Quy hoạch tỉnh.

2. Trên cơ sở các thông tin được báo cáo tại Văn bản số 4342/UBND-KTN, Bộ Công Thương thống nhất với chủ trương điều chỉnh các nội dung, thông số chính của Dự án do UBND tỉnh Lai Châu đề xuất để đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Căn cứ các Quyết định số 262/QĐ-TTg, số 1585/QĐ-TTg và các văn bản pháp lý có liên quan, UBND tỉnh Lai Châu có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Dự án: (i) Đúng quy mô công suất, tiến độ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (ii) đảm bảo không ảnh hưởng, chông lấn đến quy hoạch các dự án thủy

điện liên kê phía thượng, hạ lưu và các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi trong khu vực; (iii) hướng dẫn chủ đầu tư Dự án thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về Đất đai, Đầu tư, Đấu thầu, Xây dựng, Lâm nghiệp, Môi trường, Tài nguyên nước,...

4. UBND tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm đối với các nội dung với các thông tin cung cấp cho Bộ Công Thương và đề xuất điều chỉnh các nội dung, thông số chính của Dự án tại Văn bản số 4342/UBND-KTN. UBND tỉnh Lai Châu xem xét, điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Bộ Công Thương đề nghị UBND tỉnh Lai Châu nghiên cứu, xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở KH&ĐT tỉnh Lai Châu;
- Sở CT tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT, ĐL (Dungtrt).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Long



Số: **5108** /BCT-ĐL

Hà Nội, ngày **25** tháng **8** năm **2022**

V/v bổ sung phương án đấu nối các dự án thủy điện Nậm Luồng, Nậm Luồng 1, Nậm Pục, Nậm Cùm, Bum Nưa vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Bộ Công Thương nhận được Công văn số 1493/UBND-KTN ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu về việc bổ sung phương án đấu nối các dự án thủy điện Nậm Luồng, Nậm Luồng 1, Nậm Pục, Nậm Cùm, Bum Nưa vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lai Châu. Sau khi xem xét, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu các dự án thủy điện: Nậm Luồng, công suất 21,5 MW (Quyết định số 5042/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2018); Nậm Luồng 1, công suất 4,5 MW (Quyết định số 2590/QĐ-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2020); Nậm Pục, công suất 6 MW (Quyết định số 2590/QĐ-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2020); Nậm Cùm, công suất 7 MW (Quyết định số 5042/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2018); Bum Nưa, công suất 16 MW (Quyết định số 2468/QĐ-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2020), nhưng chưa phê duyệt bổ sung phương án đấu nối. Do đó, UBND tỉnh Lai Châu đề xuất bổ sung phương án đấu nối các dự án thủy điện Nậm Luồng, Nậm Luồng 1, Nậm Pục, Nậm Cùm, Bum Nưa vào hệ thống điện quốc gia là có cơ sở xem xét.

2. Trên cơ sở ý kiến của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Văn bản số 3537/EVN-KH ngày 23 tháng 6 năm 2021 và số 2482/EVN-KH ngày 11 tháng 5 năm 2022, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia tại Văn bản số 2264/EVNNPT-KH+KT ngày 21 tháng 6 năm 2021 và số 1568/EVNNPT-KH+KT ngày 05 tháng 5 năm 2022, Tổng công ty Điện lực miền Bắc tại Văn bản số 3430/EVNNPC-KH ngày 30 tháng 6 năm 2021 và số 2884/EVNNPC-KH ngày 17 tháng 6 năm 2022, Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia tại Văn bản số 1391/ĐĐQG-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022, Bộ Công Thương thống nhất điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV, cụ thể như sau:

a) Các công trình lưới điện phục vụ đấu nối các dự án thủy điện (TĐ) Nậm

Luồng, Nậm Luồng 1, Nậm Pục:

- Xây dựng trạm biến áp 110 kV TĐ Nậm Luồng gồm 02 máy biến áp (MBA): MBA T1 điện áp 110/10,5 kV, công suất 30 MVA; MBA T2 điện áp 110/35 kV, công suất 15 MVA, đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

- Xây dựng đường dây 110 kV mạch đơn TĐ Nậm Luồng - trạm biến áp 220 kV Mường Tè, chiều dài 14 km, tiết diện dây dẫn 185 mm², đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

- Xây dựng trạm biến áp 35/6,3 kV TĐ Nậm Luồng 1, quy mô công suất 1x6,5 MVA, đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

- Xây dựng đường dây 35 kV mạch đơn TĐ Nậm Luồng 1 - trạm biến áp 110 kV TĐ Nậm Luồng, chiều dài 6 km, tiết diện dây dẫn 95 mm², đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

- Xây dựng trạm biến áp 35/6,3 kV TĐ Nậm Pục, quy mô công suất 1x8,5 MVA, đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

- Xây dựng đường dây 35 kV mạch đơn TĐ Nậm Pục - trạm biến áp 110 kV TĐ Nậm Luồng, chiều dài 7 km, tiết diện dây dẫn 95 mm², đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

b) Các công trình lưới điện phục vụ đầu nối các dự án TĐ Nậm Cùm, Bum Nưa:

- Xây dựng trạm biến áp 110/35/10,5 kV TĐ Bum Nưa, quy mô công suất 1x33 MVA, đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

- Xây dựng đường dây 110 kV mạch kép đầu nối trạm biến áp 110 kV TĐ Bum Nưa chuyển tiếp trên đường dây 110 kV TĐ Nậm Bùm 2 - trạm biến áp 220 kV Mường Tè, chiều dài 0,5 km, tiết diện dây dẫn 240 mm², đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

- Xây dựng trạm biến áp 35/6,3 kV TĐ Nậm Cùm, quy mô công suất 1x10 MVA, đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

- Xây dựng đường dây 35 kV mạch đơn TĐ Nậm Cùm - trạm biến áp 110 kV TĐ Bum Nưa, chiều dài 6,5 km, tiết diện dây dẫn 120 mm², đưa vào vận hành giai đoạn 2022-2025.

3. Tiến độ đầu tư và đưa vào vận hành lưới điện phục vụ đầu nối các TĐ có tên nêu trên cần đồng bộ hoặc không sớm hơn tiến độ lắp máy biến áp thứ 3 TBA 220 kV Mường Tè; tiến độ đầu tư và đưa vào vận hành lưới điện phục vụ đầu nối TĐ Bum Nưa cần đồng bộ hoặc không sớm hơn tiến độ các dự án TBA 220 kV Phong Thổ và các đường dây 110 kV đầu nối, đường dây 110 kV TBA 220 kV Mường Tè – TĐ Nậm Bùm 2.

4. Chủ đầu tư các nhà máy thủy điện khu vực huyện Mường Tè có tên nêu trên chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng và quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp 110 kV, 35 kV đầu nối theo đúng các Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư

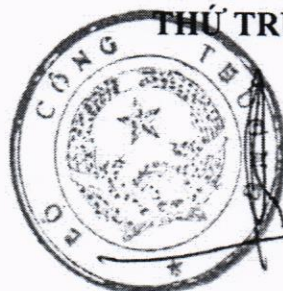
và Văn bản số 21/2022/CV-NL1 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Luồng 1 về việc cam kết đầu tư xây dựng đường dây và các trạm biến áp 35 kV, 110 kV phục vụ đấu nối các nhà máy thủy điện Nậm Luồng 1, Nậm Luồng, Nậm Pục, Nậm Cùm, Bum Nưa vào lưới điện quốc gia; phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Bắc thực hiện đấu nối theo đúng quy hoạch được duyệt.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chỉ đạo Sở Công Thương tỉnh Lai Châu hướng dẫn Chủ đầu tư và giám sát thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Công Thương tỉnh Lai Châu;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia;
- Tổng công ty Điện lực miền Bắc;
- Công ty CP Thủy điện Nậm Luồng 1;
- Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Thành Kiệt;
- Lưu: VT, ĐL (KH&QH-th).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng An

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Thủy điện Nậm Pục**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định tại cuộc họp ngày 13 tháng 01 năm 2022, được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định tại Công văn số 102/STNMT-MTK ngày 14 tháng 01 năm 2022;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Thủy điện Nậm Pục đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 04/GT-NP ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 871/TTr-STNMT ngày 29 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Thủy điện Nậm Pục (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần thủy

điện Thanh Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bum Tờ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường, xử lý vi phạm theo đúng quy định hiện hành; hướng dẫn, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè: Chỉ đạo các cơ quan liên quan chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện trong quá trình triển khai dự án; phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết các vướng mắc kịp thời.

3. Chủ dự án có trách nhiệm:

a) Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: CT, XD, NN&PTNT, GTVT, KH&CN;
- UBND xã Bum Tờ;
- CB, HCC;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Trọng Hải

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN THỦY ĐIỆN THỦY ĐIỆN NẬM PỤC

(Kèm theo Quyết định số: 510/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Thủy điện Nậm Pục.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thủy điện Thanh Hưng.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Bum Tở, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.
- Vị trí địa lý: Dự án thủy điện Nậm Pục thuộc xã Bum Tở, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Công trình thủy điện Nậm Pục có tọa độ địa lý như sau:
 - + Tọa độ đập chính: 22^o25'09,9" vĩ độ Bắc; 102^o44'48,5" Kinh độ Đông.
 - + Tọa độ tuyến đập gom nước (đập phụ): 22^o25'48,4" vĩ độ Bắc ; 102^o44'25,7" Kinh độ Đông.
 - + Tọa độ nhà máy: 22^o24'18,5" vĩ độ Bắc; 102^o43'37,7" Kinh độ Đông.

1.1 Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án “Thủy điện Nậm Pục” thuộc loại công trình công nghiệp cấp II, nhà máy có 02 tổ máy với tổng công suất lắp máy 6,0 MW, điện trung bình năm khoảng 19,20 triệu kWh.

- Tổng diện tích đất chiếm dụng của dự án là 10,12ha, trong đó: Đập gom nước 0,4344 ha; đập chính 0,8971 ha; lòng hồ + cửa lấy nước 4,5201 ha; nhà máy + trạm biến áp, nhà quản lý - vận hành + tuyến đường dây 1,2549 ha; đường vận hành 2,15 ha; bãi thải 0,86 ha.

1.2 Các hạng mục, công trình chính của dự án

- Cụm đầu mối (đập chính):
 - + Đập không tràn: Đập không tràn 2 bên bờ trái và bờ phải, có chiều rộng đập 5,0m cao trình đỉnh đập 485,0m, chiều cao đập lớn nhất là 34,0m. Chiều dài đập dâng bờ trái là 31,38m; chiều dài đập dâng bờ phải là 29,5m.
 - + Đập tràn xả lũ: Gồm 01 khoang tràn, chiều rộng tràn 20,0m (không kể tường biên và trụ pin tràn). Ngưỡng tràn cao độ 480,0m. Trên đỉnh tràn có bố trí cầu giao thông chiều rộng 5,0m.
 - + Chống thấm nền: Màn chắn xi măng chống thấm dưới nền đập thủy điện Nậm Pục với 1 hàng chính, khoảng cách các bước lỗ khoan là 3m.

- Tuyên năng lượng:

+ *Cửa lấy nước*: Cửa lấy bên bờ trái phía thượng lưu hồ chứa cách tim đập khoảng 170m. Kết cấu bằng bê tông cốt thép M200. Kích thước cửa này nước 2,9x3,4m, cao trình ngưỡng cửa lấy nước là 471,0m; cao trình đỉnh cửa lấy nước là 485,0m.

+ *Đường hầm dẫn nước*: Đường hầm dẫn nước có tổng chiều là 2.961,37m, hình móng ngựa. Kết cấu bao gồm 5 kiểu sau:

Kiểu I: Kích thước biên đào hình móng ngựa $B \times H \times R = 3,28 \times 3,14 \times 1,64$ m. Vòm I14 $a = 0,5$ m, bê tông chèn M200 dày 14cm, chiều dày bê tông bọc hầm 25cm M200 áp dụng đối với cửa hầm số 1;

Kiểu II: Kích thước biên đào hình móng ngựa $B \times H \times R = 3,0 \times 3,0 \times 1,5$ m. Bê tông bọc hầm M200 dày 25cm, áp dụng đối với đoạn hầm đi qua đất đá xấu có $f < 5$;

Kiểu III: Kích thước biên đào hình móng ngựa $B \times H \times R = 3,0 \times 3,0 \times 1,5$ m. Bê tông phun M300 dày 7cm ở các điểm cục bộ, áp dụng đối với đoạn hầm đi qua địa chất có $f > 6$. (Theo điều kiện thực tế khi xuất hiện các điểm địa chất có $5 < f < 6$ thì có thể kết hợp khoan phun bê tông M300 dày 7cm cục bộ hoặc toàn bộ mặt cắt hầm);

Kiểu IV: Kích thước biên đào hình móng ngựa $B \times H \times R = 3,28 \times 3,14 \times 1,64$ m. Lót thép đường kính ống $D = 2,5$ m thay đổi xuống $D = 1,2$ m. Vòm I14 $a = 0,5$ m, bê tông chèn M200 dày 14cm, bê tông bọc hầm M200 chiều dày 25cm -:- 48cm. Áp dụng cho đoạn cửa ra hầm;

Kiểu IA: Kích thước biên đào hình móng ngựa $B \times H \times R = 3,32 \times 3,32 \times 1,66$ m. Vòm I14 $a = 0,5$ m, bê tông chèn M200 dày 14cm, chiều dày bê tông bọc hầm 25cm, dọc tuyến hầm kiểu IA khoan đặt ống thép D40 để khoan phun gia cố trước. Áp dụng cho đoạn hầm đi qua đứt gãy bậc IV.

- Đập phụ:

+ Đập dâng nước dạng bê tông trọng lực, bề rộng đỉnh 3,5 m, chiều dài đập dâng bờ trái là 4,66m, chiều cao đập lớn nhất là 12,3m; Đập tràn hình thức đập tràn không cửa van, ngưỡng tràn dạng Ôphixerốp. Chiều rộng tràn 20,0m (không kể tường biên và trụ pin tràn). Ngưỡng tràn cao độ 485,0m. Tràn bao gồm 01 khoang, chiều dày trụ biên 1,0m ở bên trái và chiều dày trụ pin ở bờ phải là 2,07m. Bề mặt tràn là dạng mặt cong không chân không Ôphixerốp với ngưỡng tràn tại cao độ 485,0m. Nối tiếp đập tràn với hạ lưu tiêu năng đáy. Bán kính đường cong tiếp xúc với đáy hạ lưu là $R = 8,0$ m. Cao độ sân sau 475,0m.

+ Hầm dẫn nước: Tổng chiều dài hầm là 1.433,36 m. Mặt cắt đào hầm có dạng hình móng ngựa. Kết cấu bao gồm 3 kiểu sau:

Kiểu I: Kích thước biên đào hình móng ngựa $B \times H \times R = 3,28 \times 3,14 \times 1,64$ m.

Vòm I14 $a=0,5\text{m}$, bê tông chèn M200 dày 14cm, chiều dày bê tông bọc hầm 25cm M200 áp dụng đối với cửa ra và cửa vào hầm số;

Kiểu II: Kích thước biên đào hình móng ngựa $B \times H \times R = 3,0 \times 3,0 \times 1,5\text{m}$. Bê tông bọc hầm M200 dày 25cm, áp dụng đối với đoạn hầm đi qua đất đá xấu có $f < 5$;

Kiểu III: Kích thước biên đào hình móng ngựa $B \times H \times R = 3,0 \times 3,0 \times 1,5\text{m}$. Bê tông phun M300 dày 7cm ở các điểm cục bộ, áp dụng đối với đoạn hầm đi qua địa chất có $f > 6$. (Theo điều kiện thực tế khi xuất hiện các điểm địa chất có $5 < f < 6$ thì có thể kết hợp khoan phun bê tông M300 dày 7cm cục bộ hoặc toàn bộ mặt cắt hầm).

- Đường ống áp lực: 01 đường ống chính cho 02 tổ máy, chiều dài toàn bộ đường ống áp lực tính từ cửa ra hầm đến vị trí lắp van cầu là 44,99m. Đường kính ống áp lực thay đổi từ $D=2,5\text{m}$ xuống $D=1,2\text{m}$ sau đó phân thành hai nhánh $D = 0,8\text{m}$ để đổ nước vào 2 tuabin phát điện:

+ Chiều dài đoạn 1 là 15,0m đường ống thay đổi từ đường kính $D=2,5\text{m}$ xuống $D = 2,0\text{m}$.

+ Chiều dài đoạn 2 là 21,88 m đường ống thay đổi từ đường kính $D = 2,0\text{m}$ xuống $D = 1,2\text{m}$.

+ Đoạn 3 chiều dài mỗi ống nhánh đến van cầu là 8,11m đường kính ống nhánh $D = 0,8\text{m}$.

- Nhà máy, kênh dẫn, trạm phân phối điện:

+ Nhà máy thủy điện kiểu hở có kết cấu bằng bê tông cốt thép. Trong nhà máy bố trí 2 tổ máy thủy lực với tuốc bin Francis – trục ngang công suất mỗi tổ 3,0MW; Kích thước tổng thể nhà máy (dài x rộng) = 25,4x19,1m. Khoảng cách giữa hai tim tổ máy là 7,0m, chiều rộng gian máy 18,0m. Cao trình đặt tuốc bin là 291,5m. Cao trình gian máy 290,8 m. Cao trình sàn lắp ráp, sửa chữa là 304,2m.

+ Kênh dẫn: Kênh dẫn đoạn 1 có bề rộng thu hẹp từ 12,5m -:- 6,0m. Phần bản đáy được gia cố bằng lớp bê tông cốt thép dày 0,4m. Chiều dài đoạn kênh thu hẹp là 15,0 m, độ dốc $i=37,33\%$. Kênh hình thang với hệ số mái $m = 0,25$; kênh được gia cố bằng đá xây; Kênh dẫn đoạn 2 có bề rộng không đổi $B_k = 6,0\text{m}$. Cao độ kênh là 293,0m độ dốc kênh là $i = 0,0\%$. Chiều dài đoạn kênh số 2 là 4,0m;. Kênh có mặt cắt hình thang với hệ số mái kênh $m = 1,5$.

+ Trạm biến áp: Trạm biến áp 35kV; dùng khối tủ hợp bộ 38,5kV đặt trong phòng phân phối điện, quy mô công suất 6MVA-6,3/38,5kV. Máy biến áp được đặt ngoài trời cạnh nhà máy tại cao độ 304,0m.

+ Tuyến đường dây có chiều dài 7 km, diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 875 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng dự án; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn trong giai đoạn vận hành.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án.

- Chất thải rắn xây dựng, rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công và giai đoạn vận hành dự án.

- Tác động đến hệ thống đường giao thông do vận chuyển máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu.

- Tác động chính của dự án trong giai đoạn vận hành: Nguy cơ sạt lở, tái tạo, bồi lắng lòng hồ, xói lở hạ du; thay đổi địa hình, cảnh quan; làm biến đổi chế độ dòng chảy phía hạ du các tuyến đập, tác động đến hệ sinh thái, nhu cầu sử dụng nước phía hạ du; các tác động do rủi ro, sự cố; nguy cơ sạt trượt tại các bãi thải, sạt lở, bồi lắng, nguy cơ sập, vỡ hầm dẫn nước, vỡ đập, xả lũ vượt tần suất thiết kế gây ngập lụt hạ du.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 12 m³/ngày; nước thải xây dựng thải phát sinh từ đào hố móng ước tính khoảng 20 m³/ngày; nước thải từ rửa cốt liệu trộn bê tông 38,4m³/ngày; nước bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị 6 m³/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 1,5 m³/ngày; nước thải lần đầu 5 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị (*giải phóng mặt bằng*): Bụi, khí thải do phát quang, san ủi mặt bằng công trình, khu phụ trợ thi công; đường thi công - vận hành; tác động đến công nhân, các hộ dân sống dọc tuyến đường vận chuyển.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và đất đá thải; san gạt, đào đắp, hoạt động nổ mìn, trạm trộn bê tông, trạm nghiền đá; hoạt động của các thiết bị thi công; hàn xì; tác động đến công nhân, các hộ dân sống dọc tuyến đường vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy. Các thông số chủ yếu: bụi thô, khí SO₂, NO_x, CO...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Quy mô: Giai đoạn thi công xây dựng ước tính khoảng 2.271kg; Giai đoạn vận hành ước tính khoảng 650kg/năm.

- Tính chất: Chủ yếu ở thể lỏng, rắn, bao gồm: dầu mỡ thải; giẻ lau, găng tay dính dầu; thùng, túi đựng dầu, mỡ; bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải; thiết bị điện thải...

2.5. Quy mô, tính chất chất thải khác

- Giai đoạn chuẩn bị (*giải phóng mặt bằng*): Sinh khối phát quang khoảng 16,76 tấn.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Đất, đá thải từ hoạt động đào, đắp cần xử lý ước tính 38.385 m³; rác thải xây dựng phát sinh khoảng 48,469 tấn; rác thải sinh hoạt phát sinh ước tính 63 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 6,3kg/ngày tương đương với khoảng 1,97 tấn/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt

- Giai đoạn xây dựng, bố trí 03 bể tự hoại: 01 bể tự hoại với thể tích 4 m³ tại khu nhà làm việc của tư vấn + Ban A, kích thước bể tự hoại BxLxH= 2mx1,3mx1,5m; 01 bể tự hoại 20 m³ tại khu nhà ở công nhân khu Đầu mối, kích thước bể tự hoại BxLxH= 5mx2mx2m và 01 bể tự hoại 20m³ tại khu nhà ở công nhân khu nhà máy, kích thước bể tự hoại BxLxH= 5mx2mx2m. Phần bùn cặn lắng tại bể tự hoại định kỳ (06 tháng/lần) được thuê đơn vị có chức năng nạo vét, xử lý. Định kỳ 06 tháng/lần bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại.

- Trong giai đoạn vận hành: Sử dụng bể tự hoại (4m³) đã xây dựng trong giai đoạn xây dựng để tiếp tục thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân vận hành.

b) Xử lý nước thải xây dựng

- Nước thải từ trạm trộn bê tông và rửa cốt liệu: Xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hố lắng có thể tích 13,5 m³, kích thước 3mx3mx1,5m, kết cấu đáy đổ bê tông, tường xây gạch.

- Nước thải từ bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, rửa xe: sử dụng 01 hệ thống lọc dầu thải bằng cát theo nguyên lý tự chảy, 01 bể lắng tách, xử lý dầu đáy đổ bê tông, tường xây gạch chỉ trát xi măng chống thấm có dung tích 16 m³, kích thước 8mx2mx1m đặt tại khu vực sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, rửa

xe. Bể chứa nước rò rỉ được chia làm 2 ngăn mỗi ngăn 8m^3 . Nước sau khi tách dầu đảm bảo chất lượng nước đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Nước hồ móng do đắp đê quai: Là nước suối Nậm Pục và suối Nậm Sả thấm qua đê quai vào hồ móng, sẽ dùng hệ thống bơm để hút, dẫn nước ra ngoài trở lại suối.

- Nước thi công hầm dẫn nước: Đối với đoạn đập đầu mỗi tạo rãnh thoát nước bên trái cửa hầm để dẫn nước trong hầm ra ngoài. Đến đoạn hầm ngược dốc, bố trí bơm hút ngược lên đoạn rãnh thoát xuôi gần cửa hầm để thoát ra ngoài; đối với đoạn hầm đào ngược từ nhà máy lên cũng tạo rãnh gom và thoát nước thải trong quá trình khoan ra ngoài hầm.

c) Nước thải sản xuất lẫn dầu mỡ: Thu gom về bể chứa nước rò rỉ lẫn dầu 12m^3 chia làm 2 ngăn gồm 01 ngăn lọc dầu 6m^3 và 01 ngăn chứa nước sạch 6m^3 thông qua hệ thống rãnh và các ống thu gom được đặt tại các tầng sàn.

Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B xả ra nguồn tiếp nhận là sông Đà.

Quy trình xử lý:

Tại ngăn thứ nhất bể chứa nước rò rỉ (*hoạt động dựa trên nguyên tắc dầu nhẹ hơn nước sẽ nổi lên trên và được hút ra bởi các máy bơm*) trang bị bộ rơ le báo mức dầu trong bể và 02 máy bơm dầu. Khi mức nước trong bể được rơ le báo từ mức 2' trở lên thì máy bơm dầu sẽ hoạt động bơm dầu tới xe téc trữ dầu tại bề mặt nhà máy (*mức nước tới mức 3' thì cả 02 máy bơm sẽ hoạt động để bơm dầu; khi mực nước xuống mức 1' thì dừng bơm*).

Lượng dầu máy bơm dầu không hút được tiếp tục chảy sang ngăn thứ hai và tại đây cũng trang bị một rơ le báo mức nước và 02 máy bơm nước tự hút. Khi mức nước trong bể được rơ le báo tới mức 2 thì máy bơm 01 sẽ hoạt động và báo mức 3 thì cả 02 máy bơm sẽ hoạt động để bơm nước lẫn dầu tới hệ thống xử lý nước lẫn dầu để xử lý trước khi thoát ra hạ lưu nhà máy vào sông Đà.

Tại hệ thống xử lý nước lẫn dầu: Nước lẫn dầu được bơm từ bể chứa nước rò rỉ lẫn dầu tới hệ thống xử lý nước lẫn dầu tại đây lượng nước lẫn dầu sẽ được xử lý bằng một tổ hợp khép kín tự động. Sau khi qua hệ thống xử lý dầu thải sẽ bơm đẩy đến xe téc trữ dầu và phần nước sạch sau xử lý đạt chuẩn quy định cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp sẽ được thoát ra hạ lưu nhà máy sông Đà qua đường ống DN80.

d) Nước mưa chảy tràn:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Trên các tuyến đường thi công - vận hành, các khu phụ trợ, khu lán trại, khu vực xây dựng tuyến đập và nhà máy làm các

rãnh thoát nước có kích thước 0,4mx0,4m hoặc lớn hơn. Dọc theo rãnh có bố trí các hố ga có kích thước 1,5mx1,5mx1,5m, số lượng hố ga phụ thuộc vào chiều dài đường thi công vận hành, diện tích khu lán trại, bố trí các hố lắng cách nhau trung bình 25m, trước khi chảy vào môi trường tiếp nhận.

- Giai đoạn vận hành:

+ Đối với khu vực nhà máy: Nước mưa mái được thu gom bằng các đường ống PVC-D110 dẫn vào rãnh thoát nước xây dựng ngoài nhà máy. Rãnh thoát nước hình thang tại chân tường có kích thước 0,6mx0,4mx0,4m, để hướng nước chảy vào hố ga lắng cặn có kích thước 1,5mx1,5mx1,5m, bố trí cách nhau trung bình 25m.

+ Đối với tuyến ống áp lực: Dự án bố trí rãnh thoát nước dọc hai bên chân tuyến ống áp lực, kích thước rãnh thoát nước 1,2mx1,2m đổ bê tông cốt thép M200. Thiết kế rãnh hở. Chiều dài rãnh thoát nước 2 bên mỗi bên 750m.

Nạo vét định kỳ hố ga thu nước, cống thoát nước. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét được thu gom vận chuyển về bãi đổ thải để xử lý.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Xử lý bụi trạm nghiền, sàng đá: Hệ thống tưới nước dập bụi bao gồm 01 máy bơm dẫn nước để dập bụi ở trước và sau các thiết bị nghiền; đầu ra các ống dẫn nước được nối với vòi kiểu hoa sen để phun nước dập bụi (*máy bơm nước, công suất bơm 2,5 m³/giờ; hệ thống đường ống, sử dụng ống PVC có chiều dài khoảng 100m; các đầu phun nước được bố trí trước và sau các thiết bị với 10 đầu phun*). Bụi khu vực trạm nghiền sau khi xử lý đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT.

- Đối với trạm trộn bê tông: Hệ thống phun nước tưới ẩm, rửa cốt liệu, hạn chế bụi phát sinh khi máy chạy (*máy bơm và vòi phun nước PVC-D36mm, đường kính lỗ tưới D5mm*); hệ thống lọc bụi túi dạng khô lắp đặt kèm theo dây truyền của trạm trộn.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

+ Dụng cụ thu gom: 07 thùng chứa CTNH gồm 05 thùng loại 60 lít đặt tại các công trường thi công và khu phụ trợ, 02 thùng loại 120 lít đặt tại kho chứa CTNH. Các thùng chứa được dán nhãn theo TCVN 6707:2009 “CTNH - Dấu hiệu cảnh báo”.

+ Kho chứa CTNH diện tích 20m² tại khu vực trong khuôn viên của công trường khu vực nhà máy. Kiểu kho kín, mái lợp tôn cách nhiệt, tường gạch, nền xi măng đảm bảo khô thoáng và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư,

khu lán trại, có thiết bị phòng cháy, bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa. Quản lý thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Cuối ngày, sẽ thu gom các CTNH phát sinh về lưu giữ trong các thùng chứa lớn bố trí trong kho chứa CTNH. Định kỳ 1 lần/năm sẽ chuyển giao cho đơn vị có giấy phép hành nghề xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Sử dụng toàn bộ thùng chứa từ giai đoạn trên để lưu chứa CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành và tiếp tục được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho chứa CTNH rộng 20 m² được xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng. Quá trình thu gom, lưu giữ và chuyển giao xử lý được thực hiện tương tự như giai đoạn chuẩn bị và xây dựng.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý đất đá thải từ hoạt động đào, đắp; chất thải rắn sinh hoạt

a) Bãi chứa đất, đá thải

- Bãi thải: Bố trí 02 bãi thải có tổng diện tích khoảng 8.600m², tại khu vực đường VH-TC1 dưới hạ lưu đập chính và ở khu vực nhà máy.

+ Bãi thải số 1 được bố trí bên cạnh tuyến đường vận hành đi đập chính (*đập Nậm Sả về phía hạ du tuyến đập*), cách tuyến đập khoảng 1,7km. Bãi thải có cao độ chân bãi thải khoảng 500m, cao độ đỉnh bãi thải khoảng 506m và cách suối Nậm Pục khoảng 90m. Bãi thải có sức chứa khoảng 20.000 m³, diện tích khoảng 4.000 m², cao độ 6m, góc nghiêng sườn tầng thải 60⁰, phục vụ cho xử lý đất đá thải của các tuyến đập.

+ Bãi thải số 2 được bố trí ở khu vực nhà máy, cách nhà máy khoảng 1km. Bãi thải có cao độ chân bãi thải khoảng 370m, cao độ đỉnh bãi thải khoảng 376m và cách sông Đà khoảng 149m. Bãi thải có sức chứa khoảng 23.000m³, diện tích 4.600 m², cao độ 5m, góc nghiêng sườn tầng thải 60⁰, phục vụ cho xử lý đất đá thải của nhà máy.

+ Gia cố bãi thải bằng kè dạng đá hộc, rọ đá cao 2m; cách khoảng 10m bố trí 01 cột trụ bê tông cốt thép để tăng cường trụ bám cho kè (*Bãi thải 1 chiều dài kè 100m và bãi thải 2 chiều dài kè 113m; kết cấu chân đế kè rộng 2,0m, cao 1,0m; thân kè và đỉnh kè rộng 1m, cao 1m*) đảm bảo đất đá thải không bị rửa trôi gây ảnh hưởng tới dòng chảy của suối Nậm Sả trước khi tiến hành xây dựng các hạng mục công trình.

+ Trình tự đổ thải: Các bãi thải có chiều cao khoảng 5m sẽ được đổ thành 02 tầng, với tầng 1 là 3m; tầng 2 là 2m, góc nghiêng sườn tầng thải 60⁰ sau đó cắt tầng, giạt cấp lùi vào 1,5m rồi đổ lớp tiếp theo. Cụ thể: Tại tầng 1 sau khi đổ

thải đạt chiều cao tầng đổ sẽ được lu lèn chặt đạt hệ số K95 sau đó giật cấp lùi vào 1,5m rồi đổ lớp tiếp theo; bố trí các rãnh thoát nước ở chân và cơ taluy, đồng thời duy trì độ dốc mặt bãi thải từ 3% - 5% để thoát nước mưa và khắc phục hiện tượng ứ đọng nước tầng mặt để chống sạt lở; riêng đối với lớp đổ trên cùng (tầng 2) được chia làm 02 lớp với chiều cao đổ thải khoảng 1m/lớp. Sau khi kết thúc đổ thải lớp 1 sẽ được lu lèn chặt sau đó đổ lớp 2 được san phẳng bằng máy ủi và lu lèn vừa phải và tiến hành trồng cây xanh phủ bề mặt. Trong thân kè có bố trí ống tiêu thoát nước D45mm (cách 05m bố trí 01 ống). Sau đó trồng cây quế, mật độ trồng khoảng 4.000 cây/ha để bảo vệ đất.

b) Chất thải rắn sinh hoạt và sinh khối phát sinh

- Trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành:

+ Đối với các loại có thể tái sử dụng hoặc tái chế như: chai lọ bằng nhựa, thủy tinh sẽ được thu gom để tái sử dụng hoặc bán phế liệu.

+ Đối với rác thải còn lại gồm giấy, túi nilon, thức ăn thừa, các loại rác thải sinh hoạt khác không tái sử dụng hoặc tận dụng được sẽ được thu gom vào các thùng chứa rác như ở trên sau đó vận chuyển tới bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt huyện Mường Tè cách khu vực nhà máy khoảng 8km để xử lý với tần suất 02 ngày/lần.

+ Rác thải từ thượng nguồn trôi về: Lắp đặt lưới chắn rác tại trước cửa lấy nước trước khi vận hành nhà máy; thực hiện thu dọn rác trong lòng hồ; đối với những cây gỗ có kích thước vừa và lớn sẽ tận dụng làm củi đun và đối với các loại rác không tái sử dụng được vận chuyển cùng với rác sinh hoạt về bãi rác huyện Mường Tè.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung theo nội dung báo cáo ĐTM được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh; QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện giải pháp kỹ thuật nổ mìn phù hợp để giảm thiểu sóng chấn động, sóng va đập không khí, bụi, đá văng trong quá trình thi công dự án.

3.6. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị điện; tuyên truyền các thông tin về vệ sinh an toàn lao động; khám định kỳ cho cán bộ, bố trí biển cảnh báo.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy rừng: Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng, tập huấn phòng cháy chữa cháy rừng.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố, rủi ro vỡ đập:

+ Áp dụng tiêu chuẩn thiết kế đập TCVN 9137:2012 Công trình thủy lợi - thiết kế đập bê tông và bê tông cốt thép; đảm bảo an toàn đập và hồ chứa theo quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công thương;

+ Thực hiện Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

+ Thực hiện vận hành hồ chứa và liên hồ chứa theo đúng quy định vận hành được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố vỡ hồ, đập: Giám sát, hướng dẫn và chủ động việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm, đảm bảo thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng chống sự cố.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt hệ thống báo cáo, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, bố trí hòng nước cứu hỏa và thiết bị chữa cháy đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án phòng cháy, chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

+ Thực hiện giải pháp phòng ngừa và tổ chức theo dõi, giám sát các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá, mất ổn định bãi thải trong quá trình thi công xây dựng dự án. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, phải dừng ngay các hoạt động sản xuất, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiến hành các hoạt động ứng phó, báo cáo cơ quan chức năng việc thực hiện ứng phó sự cố.

3.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Đề nghị thực hiện duy trì dòng chảy môi trường, thủy lợi và sinh hoạt suối Nậm Pục:

+ Trả nước cho dòng chảy môi trường lưu lượng $0,15 \text{ m}^3/\text{s}$; đường ống D250mm với cao trình ống là 477,00m (cao trình đáy suối vị trí thấp nhất là 476m).

+ Trả nước cho thủy lợi Phìn Khò lưu lượng $0,024 \text{ m}^3/\text{s}$; đường kính D100mm, cao trình ống là 477,00m (cao trình ngưỡng cửa lấy nước là 480m) xả vào kênh dẫn nối vào thủy lợi Phìn Khò.

+ Trả nước sinh hoạt lưu lượng $0,00178 \text{ m}^3/\text{s}$; đường kính ống D25mm, cao trình ống là 478,00m (*để ống lấy nước cách cao trình đáy suối thấp nhất khoảng 2m để giảm thiểu ảnh hưởng của cặn lắng đáy suối*).

- Đề nghị thực hiện duy trì dòng chảy môi trường, thủy lợi sau đập chính trên suối Nậm Sả:

+ Trả nước cho dòng chảy môi trường lưu lượng $0,085 \text{ m}^3/\text{s}$; đường kính ống D200mm, cao trình ống là 464,5m (cao trình ngưỡng cửa lấy nước là 471m).

+ Trả nước cho thủy lợi lưu lượng $0,0024 \text{ m}^3/\text{s}$; đường kính ống D30mm, cao trình ống là 464,5m (cao trình ngưỡng cửa lấy nước là 471m).

- Duy trì dòng chảy tối thiểu theo Giấy phép khai thác nước mặt sau do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, Chủ dự án phải sử dụng toàn bộ lượng nước trữ còn lại trong hồ chứa để phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nhu cầu thiết yếu khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện thu dọn vệ sinh lòng hồ trước khi tích nước; hàng năm thực hiện thu dọn rác trôi từ thượng nguồn về hồ chứa và xử lý bằng phương pháp phù hợp, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Xây dựng quy trình vận hành hồ chứa và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các giải pháp quản lý, kỹ thuật khác trong quá trình thi công và vận hành hồ chứa đảm bảo các yêu cầu của quy định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa.

- Thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Thực hiện giám sát quá trình xói lở dọc hai bờ suối Nậm Pục và Nậm Sả nơi thực hiện dự án, phía hạ lưu đập trong quá trình xây dựng và vận hành nhà máy và có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở đất đá hai bên bờ suối.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

4. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hai (02) Bãi thải chứa đất đá thải có tổng diện tích khoảng 8.600m²; kè bãi thải bao gồm: Bãi thải 1 chiều dài kè 100m và bãi thải 2 chiều dài kè 113m; kết cấu chân đế kè rộng 2,0m, cao 1,0m; thân kè và đỉnh kè rộng 1m, cao 1m.

- Ba (03) bể tự hoại 03 ngăn: 01 bể thể tích 4m³, kích thước BxLxH = 2mx1,3mx1,5m; 01 bể 20m³, kích thước BxLxH = 5mx2mx2m; 01 bể 20m³, kích thước BxLxH = 5mx2mx2m.

- Một (01) Hồ lắng dung tích 13,5m³, kích thước 3mx3mx1,5m, đáy đổ bê tông, tường xây gạch xử lý nước thải trạm trộn bê tông.

- Một (01) hệ thống đập bụi trạm nghiền sàng.

- Một (01) Hệ thống đập bụi trên đường vận chuyển và trong công trường.

- Một (01) Bể lắng tách, xử lý dầu nước rửa xe có dung tích 16m³, kích thước 8mx2mx1m, đáy đổ bê tông, tường xây gạch chỉ trát xi măng chống thấm.

- Một (01) Kho chứa CTNH 20m².

- Hệ thống rãnh thoát nước mưa chảy tràn kích thước 0,4mx04m xây dựng tại tuyến đường thi công - vận hành, các khu phụ trợ, khu lán trại, khu vực xây dựng tuyến đập và nhà máy.

4.2. Giai đoạn vận hành

- Một (01) bể tự hoại 03 ngăn (tận dụng lại từ giai đoạn thi công) thể tích 4 m³, kích thước BxLxH = 2mx1,3mx1,5m.

- Một (01) hệ thống thu gom xử lý nước thải lẫn dầu công suất 5m³/ngày.

- Một (01) Hệ thống rãnh 1,2mx1,2m thoát nước mưa chảy tràn tuyến ống áp lực.

- Một (01) Hệ thống rãnh 0,6mx0,4mx0,4m thoát nước mưa chảy tràn nhà máy.

- Một (01) kho chất thải nguy hại diện tích 20m² (tận dụng lại từ giai đoạn thi công).

- Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện quản lý môi trường trong từng giai đoạn của dự án (chương trình quản lý môi trường chi tiết nêu tại báo cáo ĐTM được phê duyệt).

5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, chất rắn hòa tan, H₂S, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng coliforms, tổng các chất hoạt động bề mặt.

+ Vị trí giám sát: 06 vị trí trước và sau khi qua xử lý của bể tự hoại được xây dựng tại khu lán trại công nhân.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Đối với nước thải xây dựng:

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, NO₃⁻, PO₄³⁻, Fe, dầu mỡ khoáng, coliform.

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí: Nước thải tại hố lắng thu gom nước thải trạm trộn bê tông; nước thải đầu ra cuối mương thoát nước thải trạm trộn bê tông.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNM, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý chất thải rắn xây dựng, giám sát vận chuyển đất đá thải trong quá trình xây dựng, giám sát việc gia cố bãi thải, hiện tượng trượt bãi thải, giám sát việc trồng cây tại bãi thải sau khi kết thúc xây dựng.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng tuyến đập, nhà máy, khu vực bãi thải.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

+ Thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại:

+ Giám sát về thành phần, khối lượng, phạm định, phân loại lưu giữ và xử lý CTNH.

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

+ Vị trí giám sát: Tại kho chứa Chất thải nguy hại.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

+ Thực hiện quản lý CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giám sát xói mòn, sạt lở, sụt lún:

+ Chi tiêu giám sát: Mức độ sạt lở, sụt lún của công trình.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực thi công Nhà máy, tuyến đập, hầm dẫn nước, bãi thải.

+ Tần suất giám sát: Vào mùa mưa việc giám sát được thực hiện hàng ngày; vào mùa khô liên tục trong quá trình thi công; sau khi thi công song giám sát 3 tháng/lần.

- Giám sát an toàn kho thuốc nổ và kho xăng dầu:

+ Giám sát quá trình vận chuyển và lưu chứa thuốc nổ tại kho mìn; giám sát nổ mìn; vận chuyển xăng dầu và lưu chứa xăng dầu tại kho.

+ Vị trí giám sát: Kho thuốc nổ, kho xăng dầu, các vị trí nổ mìn.

+ Tần suất giám sát: Liên tục trong thời gian lưu chứa, nổ mìn, lưu chứa xăng dầu.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

- Giám sát dẫn dòng thi công: Giám sát nhà thầu thực hiện đúng quy trình dẫn dòng thi công.

- Giám sát thu dọn và vệ sinh lòng hồ:

+ Thông số giám sát: Giám sát quá trình thực hiện chặt hạ, thu gom và xử lý gỗ, thực bì.

+ Tần suất giám sát: 01 lần trong suốt quá trình thu dọn lòng hồ.

+ Vị trí giám sát: Theo vị trí được thu dọn và vệ sinh lòng hồ.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với nước sản xuất (nước thải nhiễm dầu):

+ Thông số giám sát: lưu lượng, pH, nhiệt độ, BOD₅, TDS, COD, TSS, NH₄⁺, PO₄³⁻, Crom(III), Clo dư, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, tổng coliforms.

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí trước khi vào hệ thống xử lý và sau khi qua hệ thống xử lý.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Đối với nước hồ chứa (nước mặt):

+ Thông số giám sát: pH, Oxy hòa tan (DO), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nitrit (NO₂⁻), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), Cl⁻, Fe, Dầu mỡ, Colifom.

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí, Nước suối Nậm Sả khu vực lòng hồ đập chính; Nước suối Nậm Pục khu vực đập thu gom nước.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt và bãi chôn lấp.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt giai đoạn vận hành.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với CTNH:

+ Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần, phân loại, thu gom, vận chuyển và lưu giữ CTNH.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực thu gom và lưu giữ tại kho chứa CTNH.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt giai đoạn vận hành.

+ Thực hiện quản lý CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giám sát khí tượng, thủy văn: Thực hiện các chương trình giám sát tác động của chế độ vận hành NMTĐ đến chế độ thủy văn, dòng chảy, chất lượng nước suối Nậm Pục và suối Nậm Sả theo hướng dẫn của Thông tư 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát, khai thác sử dụng tài nguyên nước.

- Giám sát xói mòn, sạt lở bãi chứa đất đá thải:

+ Chỉ tiêu giám sát: Mức độ sạt lở, sụt lún của công trình, vị trí xảy ra.

+ Vị trí giám sát: tại khu vực Nhà máy, tuyến đập, hầm dẫn nước, bãi chứa đất đá và nhà máy...

+ Tần suất giám sát: Mùa khô 03 tháng/lần và mùa mưa 01 ngày/lần.

- Giám sát quá trình sụt lún, sạt lở đất ven hồ với tần suất giám sát Mùa khô: 3 tháng/lần và mùa mưa: 01 ngày/lần.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Việc triển khai thực hiện dự án phải đảm bảo đúng theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; trường hợp phát hiện có rừng, phải thực hiện đầy đủ các thủ tục về chuyển đổi rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi dự án theo các quy định hiện hành.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật liệu nổ trong khu vực dự án và vận chuyển xử lý chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

- Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn đập, hồ chứa và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai, vận hành của dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, tài nguyên nước, an toàn đập, hồ chứa, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý đất đai, an toàn điện, phòng, chống thiên tai và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với chính quyền các cấp và các cơ quan chức năng có liên quan thiết lập chế độ vận hành hồ chứa nhằm đảm bảo an toàn đập, hồ, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân và bảo vệ môi trường, sinh thái phía hạ lưu đập; xác định ranh giới hành lang bảo vệ hồ chứa ứng với mực nước cao nhất khi có lũ kiểm tra; thông báo về dao động mực nước hồ, lưu lượng xả, dao động mực nước hạ lưu đập ứng với các chế độ vận hành của nhà máy và cảnh báo

những vấn đề nguy hiểm để nhân dân biết, phòng tránh thiệt hại.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; chủ động huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đập và ứng phó với các tình huống thiên tai, xói lở bờ hồ, ngập lụt hạ du; theo dõi, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng mất an toàn, biến dạng bề mặt, dịch chuyển, hư hỏng đập, sạt lở đất đá tại khu vực dự án và lân cận trong quá trình thi công và vận hành.

- Tuân thủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo yêu cầu của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã đề xuất thực hiện.